

QUY CHẾ ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Để triển khai thực hiện Điều 25 Luật Khoa học và Công nghệ ngày 22/6/2000 và các Điều 15, 16 của Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ về hoạt động thông tin KHCN, ngày 16/3/2007, Bộ trưởng Bộ KHCN đã ký Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 271-QĐ-UBKHKTNN ngày 06/6/1980 của Chủ nhiệm Ủy ban KHKT nhà nước (nay là Bộ KHCN) ban hành Quy định về đăng ký nhà nước đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật và nộp báo cáo kết quả nghiên cứu

Quy chế gồm 5 chương, 15 điều và 4 phụ lục. Trong đó quy định và cụ thể hoá các vấn đề:

- Loại kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN phải đăng ký;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN;
- Thủ tục và hồ sơ đăng ký;
- Thủ tục lưu giữ, sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN đã đăng ký;
- Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN;
- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Các phụ lục trong Quy chế bao gồm bao gồm: Mẫu phiếu mô tả công nghệ; Mẫu phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN; Mẫu giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Dưới đây, Tạp chí Thông tin và Tư liệu xin đăng toàn văn «Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ KHCN» để bạn đọc nói chung, các tổ chức/cán bộ KHCN nói riêng trong cả nước nghiên cứu, quán triệt.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2007

QUY CHẾ

Đăng ký, lưu giữ và sử dụng

kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN

ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định thủ tục, trình tự và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Các chương trình, đề tài, đề án, dự án, các nhiệm vụ điều tra cơ bản, các dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp cơ sở, sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc phòng và an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quản lý không thuộc đối tượng của Quy chế này.

Điều 3. Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 2 Điều này cho các cơ quan đăng ký quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đăng ký là các tư liệu phản ánh kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm: báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề, báo cáo nhánh, phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát; phiếu mô tả quy trình công nghệ (Phụ lục I) và giải pháp kỹ thuật; bản đồ; bản vẽ; ảnh; băng hình, đĩa hình.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này phải đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại các cơ quan đăng ký quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tạo ra trên cơ sở Nhà nước góp vốn hoặc trên cơ sở hợp đồng hợp tác nghiên cứu-phát triển giữa tổ chức, cơ quan nhà nước với các tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thỏa thuận giữa các bên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này có thể đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại bất kỳ các cơ quan đăng ký nào quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là cơ quan đăng ký)

1. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối quốc gia về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đồng thời trực tiếp thực hiện đăng ký đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước và cấp bộ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội (sau đây gọi là bộ, ngành) chỉ định hoặc uỷ quyền cho cơ quan trực thuộc có chức năng phù hợp là cơ quan đăng ký đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi bộ, ngành mình.

3. Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định hoặc uỷ quyền cho cơ quan trực thuộc có chức năng phù hợp là cơ quan đăng ký đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố và cấp cơ sở trong phạm vi địa phương mình.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân hoàn thành đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký).

2. Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị là một trong các điều kiện cho các hoạt động sau đây:

a) Thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được giao chủ trì thực hiện.

b) Đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Xác nhận tổ chức, cá nhân chủ trì và tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Xác nhận công trình nghiên cứu trong hồ sơ tham gia xét phong học hàm, phong tặng các danh hiệu, giải thưởng về khoa học và công nghệ.

Chương II

THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Thủ tục và hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ công nhận, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đăng ký kết quả tại các cơ quan đăng ký quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi được cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ công nhận, thực hiện theo khoản 1 Điều này;

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi được cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ công nhận, phải đăng ký kết quả tại các cơ quan đăng ký quy định tại Điều 4 Quy chế này trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày làm việc kể từ khi được cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ công nhận.

3. Hồ sơ đăng ký kết quả gồm:

a) 01 Phiếu đăng ký kết quả (Phụ lục II). Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có một Phiếu đăng ký kết quả riêng;

b) 01 bản chính hoặc bản sao y bản chính Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Các kết quả thuộc diện đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này. Các kết quả dạng giấy phải đóng bìa cứng, đồng thời phải kèm theo bản điện tử ghi trên đĩa mềm hoặc đĩa quang;

d) Chứng từ xác nhận nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có).

4. Các tư liệu điện tử không được đặt mật khẩu.

5. Tổ chức, cá nhân đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xác định độ bảo mật thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

6. Cơ quan đăng ký xem xét hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký (Phụ lục III) theo thẩm quyền cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 của Điều này. Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày đề nghị bổ sung hồ sơ, cơ quan đăng ký không nhận được hồ sơ bổ sung hợp lệ thì có quyền từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

7. Hồ sơ đăng ký kết quả và Giấy chứng nhận đăng ký có thể gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

Điều 7. Thủ tục và hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Hồ sơ đăng ký kết quả gồm:

a) 01 báo cáo chính về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các báo cáo, tư liệu liên quan khác (nếu có);

b) 01 văn bản chứng nhận kết quả đã được thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.

Hồ sơ đăng ký kết quả có thể gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện.

2. Cơ quan đăng ký xem xét hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký (Phụ lục IV) theo thẩm quyền cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Cơ quan đăng ký có quyền từ chối tiếp nhận, đăng ký các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vi phạm Điều 8 Luật Khoa học và công nghệ và Điều 6 Nghị định số 159/2004/NĐ-CP về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và thông báo bằng văn bản lý do từ chối cho tổ chức, cá nhân đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương III

LƯU GIỮ, SỬ DỤNG THÔNG TIN

CỦA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ

Điều 8. Lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký

Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký được lưu giữ theo chế độ lưu trữ hiện hành đối với tài liệu về khoa học và công nghệ quy định tại Điều 14 Chương II của Pháp lệnh Lưu trữ Quốc gia ngày 04/4/2001.

Điều 9. Sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký đối với tổ chức, cá nhân trong nước

1. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc tài liệu mật, tổ chức, cá nhân được tiếp cận, tìm hiểu và sử dụng thông tin theo nội quy của cơ quan đăng ký.

2. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc tài liệu mật, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin phải tuân thủ các quy định về sử dụng bí mật nhà nước của Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước ban hành ngày 28/12/2000 và Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định sau:

a) Phải có giấy tờ tùy thân kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan ghi rõ nội dung, yêu cầu sử dụng thông tin và phải được thủ trưởng cơ quan đăng ký hoặc người được thủ trưởng cơ quan đăng ký uỷ quyền đồng ý;

b) Việc tiếp cận, tìm hiểu và sử dụng thông tin độ “Tuyệt mật” và “Tối mật” phải được sự phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan chủ quản các cơ quan đăng ký;

c) Việc tiếp cận, tìm hiểu và sử dụng thông tin độ “Mật” phải được sự phê duyệt của Thủ trưởng cơ quan đăng ký.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ phải thanh toán các chi phí dịch vụ thông tin thư viện do các cơ quan đăng ký tại Điều 4 Quy chế này quy định.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải tuân thủ pháp luật quy định về sở hữu trí tuệ.

Điều 10. Sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký đối với người Việt Nam ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài

1. Người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài được sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải tuân theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 9 của Quy chế này và các khoản 2, 3 Điều này .

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn phải có giấy tờ tùy thân kèm theo giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức Việt Nam hoặc cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam nơi người đó

đang công tác hoặc đang có quan hệ công tác. Giấy giới thiệu phải ghi rõ nội dung, yêu cầu sử dụng thông tin và phải được thủ trưởng cơ quan đăng ký hoặc người được thủ trưởng cơ quan đăng ký uỷ quyền đồng ý.

3. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc loại tài liệu mật, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được sử dụng thông tin sau khi được Thủ tướng Chính phủ (đối với tài liệu tuyệt mật), Bộ trưởng Bộ Công an (đối với tài liệu mật), Thủ trưởng các bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với tài liệu mật) đồng ý.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Điều 11. Hướng dẫn thủ tục, chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan đăng ký quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 Quy chế này ban hành quy định về thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi toàn quốc phù hợp với quy định tại Điều 6 và 7 Quy chế này. Đồng thời, trực tiếp hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi được giao.

2. Các cơ quan đăng ký khác quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi được giao.

3. Thủ trưởng các cơ quan đăng ký quy định tại Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm ký Giấy chứng nhận đăng ký đối với các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thẩm quyền quy định.

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu, mạng thông tin và công bố thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký

1. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan đăng ký quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 Quy chế này về xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký thuộc phạm vi được giao; chủ trì xây dựng và quản trị ngân hàng dữ liệu, mạng thông tin quốc gia về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký trong phạm vi toàn quốc; cập nhật cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký tại Trung tâm; biên soạn và xuất bản ấn phẩm thông tin "Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ"; công bố thông tin thư mục về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên mạng VISTA.

2. Các cơ quan đăng ký quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu; biên soạn và xuất bản ấn phẩm; công bố thông tin thư mục về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký thuộc phạm vi được giao trên mạng thông tin. Đồng thời có trách nhiệm cập nhật dữ liệu vào ngân hàng dữ liệu và mạng thông tin quốc gia về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký theo sự hướng dẫn của Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Điều 13. Xây dựng nội quy lưu giữ và sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký

Các cơ quan đăng ký quy định tại Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm xây dựng nội quy về lưu giữ và sử dụng thông tin của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký theo các quy định tại các điều 8, 9 và 10 của Quy chế này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia và các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan đăng ký quy định tại các khoản 2, 3 Điều 4 Quy chế này có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

Điều 15. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Cơ quan thanh tra khoa học và công nghệ các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan đăng ký thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của Quy chế này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định pháp luật khác./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

(đã ký)